

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2024
“V/v Tranh chấp xác định cha cho con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Tiến

Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp xác định cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Duy H**, năm sinh 1995; Địa chỉ: **Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**, (Có mặt);

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Việt T** năm sinh: 1994; Nơi đăng ký HKTT: **Thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**; Chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**, (Có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Phạm Văn T1**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa**, (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 4 năm 2024 và những lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn anh **Nguyễn Duy H** trình bày: Anh kết hôn với chị **Trần Thị Việt T** ngày 22/4/2022, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện V,**

tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn với anh thì chị T có chồng là anh Phạm Văn T1, ngày 15/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đã giải quyết cho chị T và anh T1 được ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2022/QĐST-HNGĐ. Quá trình chị T và anh T1 sống ly thân thì chị T đã về chung sống cùng anh tại thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc từ năm 2017 và anh chị đã có 02 con chung, cụ thể:

Ngày 17/10/2018 chị T sinh con gái (Theo giấy chứng sinh số 56, quyển số 09 ngày 23/10/2018) anh chị đặt tên cho con là Nguyễn Ngọc Hà M; Ngày 14/11/2021 chị T tiếp tục sinh con gái thứ hai (Theo giấy chứng sinh số 0000745, quyển số 01 ngày 22/11/2021) và anh chị đặt tên cho con là Nguyễn Ngọc Hoàng Y. Đây là các con chung của anh và chị Trần Việt T, hiện nay con anh chị chưa được đăng ký khai sinh, anh và chị T dự kiến đặt tên con là Nguyễn Ngọc H1 My sinh ngày 17/10/2018 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y sinh ngày 14/11/2021. Do chị T có thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh Phạm Văn T1 nên anh không làm được giấy khai sinh cho các con chung của anh chị mặc dù anh đã có kết quả giám định ADN xác định các cháu Y và M đều là con của anh.

Nay anh H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xác nhận cho anh là cha của cháu Nguyễn Ngọc H1 My sinh ngày 17/10/2018 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y sinh ngày 14/11/2021 để anh làm thủ tục đăng ký khai sinh cho các con chung của anh và chị T theo quy định pháp luật.

Bị đơn chị Trần Thị Việt T trình bày: Chị kết hôn với anh Phạm Văn T1 năm 2014, quá trình chung sống giữa chị và anh T1 không có con chung, chị với anh T1 chung sống cùng nhau được khoảng 08 tháng thì sống ly thân. Năm 2017 chị có quen biết và phát sinh tình cảm với anh H, đến ngày 15/3/2022 Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đã giải quyết cho chị và anh T1 được ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2022/QĐST-HNGĐ. Quá trình chung sống cùng anh H tại xã P, huyện V, chị và anh H đã có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H1 My sinh ngày 17/10/2018 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y sinh ngày 14/11/2021. Do chị có thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh Phạm Văn T1 nên chị và anh H chưa làm được giấy khai sinh cho con chung của anh chị. Anh H đã có kết quả giám định ADN xác định các cháu Y và M đều là con của anh H. Nay chị T cũng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xác nhận anh Nguyễn Duy H là cha của cháu Nguyễn Ngọc H1 My sinh ngày 17/10/2018 và Nguyễn Ngọc Hoàng Y sinh ngày

14/11/2021 để chị và anh **H** làm thủ tục đăng ký khai sinh cho các con chung theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Phạm Văn T1** vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 20/5/2024 anh **T1** trình bày: Ngày 07/12/2014 anh kết hôn cùng chị **Trần Thị Việt T** sinh năm 1994; quê quán **thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa**, vợ chồng chung sống được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, từ khoảng tháng 8/2015 anh và chị **T** sống ly thân đến tháng 02/2022 anh và chị **T** đã làm thủ tục xin ly hôn. Tại quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá đã giải quyết cho anh và chị **T** được ly hôn. Trong thời gian chung sống với chị **T** thì anh chị không có con chung nên tại thời điểm giải quyết ly hôn anh và chị **T** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Từ tháng 8/2015 anh và chị **T** sống ly thân nhau, không gặp nhau, không quan tâm đến nhau nữa nên chị **T** có quan hệ với ai và có con chung với ai thì anh không biết và không phải con của anh. Do bận công việc nên anh **T1** xin giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Xác minh tại **UBND xã P** cho biết: Anh **Nguyễn Duy H** kết hôn cùng chị **Trần Thị Việt T** ngày 22/4/2022, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**. Trước khi kết hôn với anh **H** thì chị **T** có chồng là anh **Phạm Văn T1** sinh năm 1995; Địa chỉ: **Xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa**. Hiện nay chị **T** và anh **T1** đã ly hôn và có Quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá nên địa phương mới làm đăng ký kết hôn cho anh **H** và chị **T**. Anh **H** và chị **T** có hai con chung là các cháu **Nguyễn Ngọc H1 M** My sinh ngày 17/10/2018 và **Nguyễn Ngọc Hoàng Y** sinh ngày 14/11/2021, hiện nay các cháu đang ở cùng anh **H** và chị **T**. Do chị **T** có thai và sinh con trong thời kỳ hôn nhân với anh **Phạm Văn T1** nên địa phương không làm được giấy khai sinh cho cháu **Nguyễn Ngọc H1 M** và cháu **Nguyễn Ngọc Hoàng Y**. Anh **Nguyễn Duy H** đã có kết quả giám định ADN xác định cháu **M** và cháu **Y** là con đẻ của anh **Nguyễn Duy H**. Nay anh **H** có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xác nhận cho anh **H** là cha của các cháu **M** và **Y**, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để tạo điều kiện cho công dân làm thủ tục đăng ký khai sinh cho các con anh **H** và chị **T** theo quy định pháp luật. Hiện nay chị **Trần Thị Việt T** chưa chuyển hộ khẩu về **xã P**, tuy nhiên chị **T** đang chung

sống cùng nhà với anh **H** và có mặt tại địa phương **thôn T, xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc**.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 88, khoản 2 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố anh **Nguyễn Duy H** là cha đẻ của cháu **Nguyễn Ngọc H1** My sinh ngày 17/10/2018 và **Nguyễn Ngọc Hoàng Y** sinh ngày 14/11/2021;

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng dân sự: Anh **Nguyễn Duy H** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định anh là cha của các cháu **Nguyễn Ngọc H1** My sinh ngày 17/10/2018 và **Nguyễn Ngọc Hoàng Y** sinh ngày 14/11/2021 theo quy định tại khoản 4 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị **Trần Thị Việt T** hiện nay đang thường trú tại **xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị **T** có thai trong thời kỳ hôn nhân với anh **Phạm Văn T1**, anh **Nguyễn Duy H** muốn nhận con nên căn cứ khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Anh **Phạm Văn T1** là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh **Phạm Văn T1** là đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị **Trần Thị Việt T** và anh **Phạm Văn T1** kết hôn ngày 07/12/2014 có đăng ký kết hôn tại **UBND xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa**. Quá trình chung sống chị **T** và anh **T1** không có con chung, tháng 8/2015 anh **T1** và chị **T** sống ly thân nhau, chị **T** đã phát sinh tình cảm với anh **Nguyễn Duy H** và chung sống với nhau như vợ chồng. Quá trình chung sống với anh **H**, ngày 17/10/2018 chị **T** sinh con gái (Theo giấy chứng sinh số 56, quyển số 09 ngày 23/10/2018) đặt tên là **Nguyễn Ngọc Hà M**; ngày 14/11/2021 chị **T** tiếp tục sinh con gái (Theo giấy chứng sinh số 0000745, quyển số 01 ngày 22/11/2021) đặt tên cho con là **Nguyễn Ngọc Hoàng Y**. Trong thời gian quan hệ tình cảm với anh **Nguyễn Duy H** và sinh con chung với anh **H** thì chị **Trần Thị Việt T** và anh **Phạm Văn T1** chưa được Tòa án giải quyết cho ly hôn, vì vậy xác định việc chị **T** có thai và sinh con là trong thời kỳ hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1**. Ngày 15 tháng 3 năm 2022 Tòa án nhân **huyện V, tỉnh Thanh Hóa** đã giải quyết cho chị **Trần Thị Việt T** được ly hôn anh **Phạm Văn T1** (Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 10/2022/QĐST-HNGĐ). Ngày 22/4/2022 anh **Nguyễn Duy H** và chị **Trần Thị Việt T** có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc** theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2022 chị **Trần Thị Việt T** có đơn yêu cầu giám định xét nghiệm ADN cho anh **Nguyễn Duy H** sinh ngày 18/9/1995 với cháu **Nguyễn Ngọc H1** My sinh ngày 17/10/2018 và **Nguyễn Ngọc Hoàng Y** sinh ngày 14/11/2021. Tại phiếu kết quả xét nghiệm ADN số 814.1.VCJ/22/ADN ngày 27 tháng 5 năm 2022 của **Công ty cổ phần C** đã kết luận: Anh **Nguyễn Duy H** có quan hệ huyết thống Bố - Con với người có tên dự kiến **Nguyễn Ngọc Hà M**. Tại phiếu kết quả xét nghiệm ADN số 814.2.VCJ/22/ADN ngày 27 tháng 5 năm 2022 của **Công ty cổ phần C** đã kết luận: Anh **Nguyễn Duy H** có quan hệ huyết thống Bố - Con với người có tên dự kiến **Nguyễn Ngọc Hoàng Y**. Bản thân anh **Phạm Văn T1** cũng đã thừa nhận giữa anh và chị **T** không có con chung.

Do vậy anh **Nguyễn Duy H** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xác định anh **Nguyễn Duy H** là cha đẻ của các cháu **Nguyễn Ngọc Hà M** và **Nguyễn Ngọc Hoàng Y** là phù hợp nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 89, Điều 91 [Luật Hôn nhân và gia đình](#)

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh **Nguyễn Duy H** có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Nguyễn Duy H được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Như vậy quan điểm của đại diện Viện kiểm, sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 88, Điều 89, Điều 91, Điều 101, Điều 102 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 39 [Bộ luật Dân sự](#) Căn cứ vào khoản 4 Điều 16 Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 12 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) 30/12/2016 của UBTVQH Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy H: Xác định anh Nguyễn Duy H là cha đẻ của các cháu Nguyễn Ngọc H1 My sinh ngày 17/10/2018 (theo giấy chứng sinh số 56, quyển số 09 ngày 23/10/2018 của Trung tâm y tế huyện V) và Nguyễn Ngọc Hoàng Y sinh ngày 14/11/2021 (Theo giấy chứng sinh số 0000745, quyển số 01 ngày 22/11/2021 của Trung tâm y tế huyện V).

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Duy H được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Đa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hải